TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-PT
Ngày: 24/9/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: *hợp đồng bảo hiểm.*

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2021/KDTM-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Vận tải N

Địa chỉ trụ sở: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mã Thanh T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lưu Ngọc T - Văn phòng Luật sư Lưu Ngọc T - Đoàn Luật sư thành phố C.

2. Bị đơn: Tổng công ty bảo hiểm B

Địa chỉ trụ sở: đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Phi L - Chức vụ: Phó phòng- Phòng giám định bồi thường xe cơ giới Công ty B.

Địa chỉ: đường số B, KDC Công ty T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty B

Địa chỉ chi nhánh: đường B, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người Kháng cáo: Tổng công ty bảo hiểm B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Mã Thanh T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Vận tải N có thỏa thuận với Công ty B ký hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số: CTH.D01.OT.18.HĐ 676 ngày 14/8/2018 mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho 03 xe ô tô tải và 01 xe đầu kéo tổng số tiền phí bảo hiểm là 76.505.000 đồng, trong đó có 01 xe ô tô tải biển số 65C-118.12 (xe được cho là gây tai nạn xảy ra thiệt hại) được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm số 004826723**,** thời hạn từ 13h00 ngày 14/8/2018 đến 23h59 phút ngày 13/8/2019. Ngày 12/11/2018 xe ô tô biển số 65C-118.12 gây ra tai nạn va chạm với đuôi xe ô tô biển số 61C-137.22 kéo theo Rơmốc 61R-007.60 đi phía trước làm cho xe ô tô 65C-118.12 bị hư hỏng nặng. Sau đó nguyên đơn có báo đến Công ty B đề nghị được bồi thường tổn thất trực tiếp và chi phí hợp lý cần thiết để sửa chữa xe ô tô 65C-118.12. Ngày 12/9/2019, nguyên đơn nhận được văn bản trả lời số 5370/BHBV-GĐBT XCG của bị đơn đối với xe ô tô biển số 65C-118.12 không thuộc trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm B.

Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty B phải bồi thường sửa chữa thay thế theo giá trị được duyệt quyết toán số tiền là 655.000.000 đồng và có trách nhiệm trả tiền lãi chậm trả do chậm thanh toán thiệt hại tiền lãi tính từ ngày 12/9/2019 đến nay với lãi suất 10%/năm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn Ngọc T trình bày:

Xe ô tô biển số 65C-118.12 của nguyên đơn tham gia bảo hiểm vật chất tại Công ty bảo hiểm B thuộc Tổng công ty bảo hiểm B, hợp đồng bảo hiểm số CTH.D01.OT.18.HĐ676 trong đó đối với xe ô tô biển số 65C-118.12 được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm ngày 14/8/2018 thời hạn từ ngày 14/8/2018 đến ngày 13/8/2019 (Cùng mua với ba xe ô tô khác như nguyên đơn trình bày) tổng phí theo hợp đồng là 76.505.000 đồng (Gồm VAT), tổng phí phải nộp là 38.252.500 đồng. Kỳ 02 đến ngày 14/02/2019 với tổng số phí phải nộp là 38.252.500 đồng, tính riêng xe ô tô biển số 65C-118.12 thời hạn thanh toán sẽ nộp như sau: kỳ 1 đến hết ngày 03/9/2018 số phí phải nộp là 9.225.000 đồng; kỳ 2 đến hết ngày 14/02/2019 với số phí phải nộp là 9.225.000 đồng. Ngày 03/10/2018 chủ xe thanh toán số tiền 4.612.500 đồng chậm so với ngày bắt đầu bảo hiểm là 50 ngày, chậm so với ngày

thanh toán kỳ 1 là 30 ngày và thiếu số tiền 4.612.500 đồng, không có thỏa thuận nợ phí. Ngày 04/10/2018 chủ xe và Công ty bảo hiểm B ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số CTH.D01.OT.18.HĐ676, ngày 04/10/2018 thay đổi thời hạn thanh toán từ kỳ 2 là 19.126.250 đồng; kỳ 3 là 19.126.250 đồng riêng xe 65C-118.12 kỳ 1 là ngày 03/9/2018 số tiền phí 4.612.500 đồng; kỳ 2 là 14/11/2018, là 4.612.500 đồng; kỳ 3 là ngày 14/02/2019 số tiền phí 4.612.500 đồng; kỳ 4 ngày 14/5/2019 số tiền phí 4.612.500 đồng.

Ngày 12/11/2018 xe ô tô 65C-118.12 gặp tai nạn, việc thay đổi thanh toán dẫn đến việc chủ xe nộp phí đủ cho kỳ 1 từ ngày 03/10/2018. Tuy nhiên, theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC, ngày 15/5/2017 của Bộ Tài Chính tại Tiết c, điểm 1.1, khoản 1 Điều 21 quy định "Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được thỏa thuận thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng". Trên cơ sở công văn số 380/TB-TA bị đơn và nguyên đơn có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số CTH.D01.OT.18.HĐ 676, ngày 04/10/2018, việc thay đổi thời hạn thanh toán phí của hợp đồng bảo hiểm ban đầu đã bị vô hiệu theo thông tư số 50/2017/TT-BTC, vì vậy xe ô tô biển số 65C-118.12 được xem là chưa thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho kỳ 1 theo hạn phải thanh toán là khi tai nạn xảy ra. Theo quy tắc số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 tại điểm 3.1 Điều 3 ghi rõ "Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm. Hiệu lực bảo hiểm chỉ bắt đầu từ thời điểm chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho B trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản". Như vậy, tại thời điểm xảy ra tổn thất chủ xe chưa nộp đủ phí bảo hiểm cho B khi đến hạn thanh toán. Do đó, bảo hiểm không có hiệu lực. Kính đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn do không thuộc trường hợp trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2021/KDTM-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm B phải bồi thường cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Vận tải N tổng số tiền là **756.118.900** đồng (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu một trăm mười tám nghìn chín trăm đồng*) (Trong đó tiền bồi thường là **655.000.000** đồng; tiền lãi chậm thanh toán là 101.118.900 đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/4/2021 Tổng công ty bảo hiểm B kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn không có cơ sở với các lý do sau:

Nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng bảo hiểm ngày 14/8/2018, theo đó hợp đồng không đề cập gì đến nội nội dung thông tư 50/2017/TT-BTC, ngày 15/5/2017 của Bộ Tài Chính, cũng như bị đơn không giải thích gì cho nguyên đơn (là khách hàng) biết về quy định tại thông thư 50 và trong suốt quá trình thực hiện thì không có văn bản nào thỏa thuận là hủy bỏ hợp đồng này nên hợp đồng có hiệu lực.

Bị đơn từ chối bồi thường vì cho rằng phụ hợp đồng đã ký kết không có hiệu lực nhưng cũng không có văn bản nào thông báo hủy bỏ phụ lục hợp đồng ký kết. Hơn nữa, bị đơn đưa ra lý do phụ lục hợp đồng vi phạm thông tư 50 là không có căn cứ, bởi lẽ việc ký phụ lục hợp đồng thuộc về trách nhiệm trong nội bộ của Tổng công ty bảo hiểm B, không thể đổ lỗi cho khách hàng và từ chối bồi thường thiệt hại.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Vận tải N (gọi tắt Công ty N) khởi kiện yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm B (gọi tắt Tổng Công ty B) phải thanh toán tiền bảo hiểm và lãi suất vì đã xảy ra sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm xe ô tô và phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô mà hai bên đã ký kết ngày 14/8/2018 và ngày 04/10/2018.

Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Ngày 14/8/2018, Công ty N có ký hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số CTH.D01.OT.18.HĐ 678, ghi nhận Bên A: Người Bảo hiểm là Công ty B; Bên B: Người được Bảo hiểm là Công ty N. Theo nội dung hợp đồng thì bên B sẽ mua bảo hiểm cho 04 chiếc xe tải và xe đầu kéo, trong đó có chiếc xe tải Hino Fl biển số 65C- 118.12. Thời hạn từ 13h00 ngày 14/8/2018 đến 23h59 ngày 13/8/2019; phí bảo hiểm vật chất cho 04 xe là 76.505.000 đồng; thời hạn thanh toán chia làm hai kỳ:

- Kỳ 1: đến hết ngày 03/9/2018: 38.252.500 đồng
- Kỳ 2: Ngày 14/02/2019 38.252.500 đồng.

Đến ngày 04/10/2018 giữa Công ty B và Công ty N ký tiếp phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số: CTH.D01.OT.18.HD.676 sửa đổi bổ sung thanh toán tiền phí bảo hiểm chia làm 04 kỳ

+ Kỳ 1 : 03/9/2018 : 19.126.250 đồng

+ Kỳ 2 : 14/11/2018 : 19.126.250 đồng

+ Kỳ 3 : 14/02/2019 : 19.126.250 đồng

+ Kỳ 4 : 14/5/2019 : 19.126.250 đồng.

Sau khi ký kết hai hợp đồng trên thì Công ty N đã thanh toán phí bảo hiểm cho Công ty B hai lần vào các ngày 14/8/2018 số tiền 38.252.500 đồng và ngày 16/4/2019 38.252.500 đồng, Công ty N đã được Công ty B xuất hai hóa đơn giá trị gia tăng số 0020613 và hóa đơn số 0036586 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 004826723. Như vậy Công ty N đã thanh toán đủ phí bảo hiểm 76.505.000 đồng theo hợp đồng đã ký.

Ngày 12/11/2018, xe ô tô biển số 65C-118.12 của Công ty N đang lưu thông trên quốc lộ 1 hướng từ Cai Lậy đi Trung Lương, khi đến Km1971+800 thuộc T, T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì xảy ra tai nạn va chạm với đuôi xe ô tô biển số 61C-137.22 kéo theo Rơmốc 61R-007.60 đi phía trước làm xe ô tô 65C-118.12 hư hỏng nặng. Sự việc được các cơ quan chức năng lập biên bản ghi nhận, sau đó Công ty N đã báo và yêu cầu Tổng Công ty B bồi thường thiệt hại cho chiếc xe ô tô theo giá thực tế được sửa chữa nhưng Tổng Công ty B từ chối bồi thường với lý do Công ty N đã thanh toán phí bảo hiểm lần đầu tiên chậm 30 ngày so với thời hạn phải thanh toán ngoài ra Công ty B và Công ty N ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô về việc thay đổi thời hạn thanh toán phí của hợp đồng bảo hiểm ban đầu là trái thông tư 50/2017/TT-BTC.

Với những lý do trên mà Tổng Công ty B đưa ra để từ chối bồi thường cho Công ty N là hoàn toàn không có cơ sở với các căn cứ sau:

[3] Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số CTH.D01.OT.18.HĐ 676 ký ngày 14/8/2018 và phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số CTH.D01.OT.18.HĐ 676 ký ngày 04/10/2018, là sự tự nguyện thỏa thuận của bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm là đúng với Điều 12 của Luật kinh doanh

bảo hiểm và hợp đồng cũng đã có hiệu lực theo quy định tại khoản 1, Điều 401 Bộ luật dân sự. Sau khi ký hợp đồng Công ty N cũng được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm số 4826723 có hiệu lực ngày 14/8/2018.

- Nội dung và hình thức của hợp đồng và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm là phù hợp với Điều 13, 14, 15 của Luật kinh doanh bảo hiểm.

- Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đúng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết được quy định tại Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Tuy nhiên doanh nghiệp bảo hiểm không thực hiện đúng nghĩa vụ bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

[4] Theo công văn 5370/BHBV-GĐBT XCG ngày 12/9/2019 của Tổng Công ty B cho rằng Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm lần 1 vào ngày 03/9/2018 với số tiền 9.225.000 đồng, tuy nhiên để đến ngày 03/10/2018 mới thanh toán được 4.612.500 đồng còn thiếu 4.612.500 đồng, và chậm 30 ngày so với hạn thanh toán kỳ 1. Chính vì lý do chậm này nên Tổng Công ty B từ chối bồi thường, với lập luận này là chưa đúng bởi lẽ; theo hợp đồng chính thì thời hạn thanh toán phí chia làm hai kỳ tuy nhiên phụ lục hợp đồng đã sửa chữa chia thời hạn thanh toán phí ra làm 04 kỳ bắt đầu kỳ thứ nhất là ngày 03/9/2018, tuy nhiên thực tế Công ty N đã nộp phí từ ngày 14/8/2018 cho cả 04 xe trong đó có xe 65C-118.12 với tổng số tiền 37.252.5000 đồng. Do đó không có căn cứ cho rằng Công ty N nộp phí chậm 30 ngày.

Cũng theo Công văn 5370 của Tổng Công ty B còn cho rằng giữa Công ty B và Công ty N ký phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm là trái với Thông tư 50/2017/TT-BTC nên được xem là vô hiệu và đây cũng là một lý do để Tổng Công ty B từ chối bồi thường, với lý do này thì lại càng vô lý và không có căn cứ như sau:

Thứ nhất: Hợp đồng chính và phụ lục hợp đồng đều được thực hiện đúng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm như các điều luật ở phần trên đã phân tích. Do đó hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật để các bên thi hành.

Thứ hai: Nội dung hợp đồng chính không quy định các bên không được ký phụ lục hợp đồng và nội dung của hai hợp đồng cũng không quy định những điều khoản và trường hợp nào loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm.

Thứ ba: Bên mua bảo hiểm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là đóng phí bảo hiểm theo hợp đồng đã ký đúng theo quy định tại Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm và đã được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định của Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Thứ tư: Bên mua bảo hiểm hoàn toàn không có lỗi gì đối với quy định của Thông tư 50/2017 mà Tổng công ty bảo hiểm đưa ra, nếu như có lỗi thì chính Công

ty B có lỗi và trách nhiệm này (nếu có) thuộc Công ty B với Tổng công ty bảo hiểm B.

Sự kiện bảo hiểm xảy ra từ ngày 12/11/2018, mặc dù Công ty N đã yêu cầu Tổng Công ty B bồi thường nhưng Tổng Công ty B không đồng ý là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm từ đó dẫn đến sự việc kéo dài cho đến nay đã gần 03 năm gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty N. Do đó cấp sơ thẩm đã buộc Tổng Công ty B bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm và lãi suất là có căn cứ.

Tổng Công ty B kháng cáo yêu cầu hủy bán án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm B phải bồi thường cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Vận tải N tổng số tiền là **756.118.900** đồng (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu một trăm mười tám nghìn chín trăm đồng*) (Trong đó tiền bồi thường là **655.000.000** đồng; tiền lãi chậm thanh toán là **101.118.900** đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 Luật thương mại tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán (Ngày tính lãi tiếp theo là ngày **31/3/2021**).

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại 18.784.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hai biên lai số: 001970 ngày 08/11/2019, và biên lai số: 002402 ngày 25/3/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn Tổng công ty bảo hiểm B phải chịu 34.244.700 đồng (Ba mươi bốn triệu, hai trăm, bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Tổng công ty bảo hiểm B phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000

đồng, theo biên lai số: 003942 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tổng công ty bảo hiểm B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b, Luật sửa đổi bổ sung một số Điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng